

Số: 47/QĐ-ĐHKTCN

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc miễn, giảm học phí cho sinh viên hệ chính quy tập trung dài hạn
Học kỳ II năm học 2017 – 2018**

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Căn cứ nghị định số 31/CP ngày 4/4/1994 của chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ thông tư 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22 tháng 10 năm 2015 về việc ban hành quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ lao động-Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ ban hành quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015- 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ vào kết luận của Hội đồng xét miễn giảm học phí cho sinh viên hệ chính quy dài hạn học kỳ II năm học 2017 – 2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác HSSV và Trưởng phòng KH-TC ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay miễn, giảm học phí cho sinh viên hệ đại học chính quy thuộc đối tượng chính sách học kỳ II năm học 2017-2018 trong đó:

1. Đối tượng được miễn 100% học phí:
 - Sinh viên khối ngành kỹ thuật: 273 SV(có danh sách kèm theo)
 - Sinh viên khối ngành kinh tế: 11 SV(có danh sách kèm theo)
2. Đối tượng được giảm 50% học phí:
 - Sinh viên khối ngành kỹ thuật: 35 SV(có danh sách kèm theo)
3. Đối tượng được giảm 70% học phí:
 - Sinh viên khối ngành kỹ thuật: 50 SV(có danh sách kèm theo)
 - Sinh viên khối ngành kinh tế: 01 SV(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Trưởng phòng Công tác HSSV, Trưởng phòng Kế hoạch-Tài chính, các đơn vị có liên quan và những SV thuộc đối tượng ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: VT, CTHSSV.



PGS.TS. Nguyễn Duy Cường



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN 100% HỌC PHÍ
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2017 - 2018**

(Kèm theo QĐ số: 47/QĐ -ĐHKTCN ngày 19 tháng 4 năm 2018)

I. Khối ngành kỹ thuật

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Đối tượng	Lớp	Khoa
1	K135520201022	Nguyễn Duy	Đức	CNGHEODT	K49HTĐ.01	Điện
2	K135520201118	Thào A	Tủa	CNGHEODT	K49HTĐ.01	Điện
3	K135520201199	Thào A	Cở	CNGHEODT	K49HTĐ.01	Điện
4	K125580205061	Hà Thị	Thảo	MOCOI	K49HTĐ.01	Điện
5	K135520201074	Hoàng Anh	Chiến	CNGHEODT	K49KTĐ.01	Điện
6	K135520201167	Hoàng Văn	Quân	CNGHEODT	K49KTĐ.02	Điện
7	K135520201210	Phạm Thanh	Hà	CNGHEODT	K49KTĐ.03	Điện
8	K135520201247	Nguyễn Văn	Toàn	HNGHEODT	K49KTĐ.03	Điện
9	K135520216006	Hoàng ánh	Dương	CNGHEODT	K49TĐH.01	Điện
10	K135520216336	Uông Văn	Mạnh	CTB-08	K49TĐH.01	Điện
11	K135520216165	Diệp Văn	Sinh	CNGHEODT	K49TĐH.03	Điện
12	K135520216141	Dương Thanh	Hải	CTB-08	K49TĐH.03	Điện
13	K135520216262	Trần Công	Thành	CBB-13	K49TĐH.04	Điện
14	K135520216249	Trần Văn	Phi	CNGHEODT	K49TĐH.04	Điện
15	K145520201182	Vũ Văn	Giang	HNGHEODT	K50HTĐ.01	Điện
16	K145520201006	Lý Trung	Đức	CNGHEODT	K50KTĐ.01	Điện
17	K145520201011	Lý Văn	Cương	CNGHEODT	K50KTĐ.01	Điện
18	K145520201019	Ngô Thị Linh	Hương	CNGHEODT	K50KTĐ.01	Điện
19	K145520201248	Vũ Mạnh	Hùng	CNGHEODT	K50KTĐ.01	Điện
20	K145520201031	Trần Thị Khánh	Hòa	HNGHEODT	K50KTĐ.01	Điện
21	K145520201163	Lăng Quang	Vũ	CNGHEODT	K50KTĐ.02	Điện
22	K145520201124	Nguyễn Đức	Mạnh	HNGHEODT	K50KTĐ.02	Điện
23	K145520216011	Lê Văn	Chung	CNGHEODT	K50TĐH.01	Điện
24	K145520216121	Nguyễn Văn	Tuân	CNGHEODT	K50TĐH.02	Điện
25	K145520216250	Đặng Văn	Nam	CBB-13	K50TĐH.03	Điện
26	K145520103262	Lý Hồng	Loan	CNGHEODT	K50TĐH.03	Điện
27	K145520216171	Đàm Hoàng	Nam	CNGHEODT	K50TĐH.03	Điện
28	K155520201076	Lý Thị Phương	Hà	CNGHEODT	K51HTĐ.01	Điện
29	K155520201153	Dương Thanh	Minh	CNHH	K51HTĐ.01	Điện
30	K155520201226	Nguyễn Khắc	Thành	CTB-08	K51HTĐ.01	Điện
31	K155520201083	Hoàng Thị	Huệ	CNGHEODT	K51KTĐ.01	Điện
32	K155520201017	Mai Xuân	Hào	CNHH	K51KTĐ.01	Điện
33	K155520201208	Lăng Tú	Khanh	CNGHEODT	K51KTĐ.02	Điện
34	K155520201214	Ngô Văn	Nam	CNHH	K51KTĐ.02	Điện
35	K155520201221	Trần Thị	Quế	HNGHEODT	K51KTĐ.02	Điện
36	K155520216046	Lương Văn	Sơn	CNGHEODT	K51TĐH.01	Điện
37	K155520216273	Lương Thị	Định	CNGHEODT	K51TĐH.01	Điện

38	K155520216006	Phùng Minh	Chí	HNGHEODT	K51TĐH.01	Điện
39	K155520216071	Chu Thị	ánh	CNGHEODT	K51TĐH.02	Điện
40	K155520216116	Dương Trọng	Tấn	CNGHEODT	K51TĐH.02	Điện
41	K155520216184	Lâm Thị	Thao	CNGHEODT	K51TĐH.03	Điện
42	K155510601005	Ma Thị	Hằng	CNGHEODT	K51TĐH.04	Điện
43	K155520216248	Nguyễn Ngọc	Thái	CNGHEODT	K51TĐH.04	Điện
44	K155520216252	Bùi Văn	Thịnh	CNGHEODT	K51TĐH.04	Điện
45	K155520216222	Chu Văn	Hòa	MOCOI	K51TĐH.04	Điện
46	K155520216259	Đỗ Văn	Tuân	MOCOI	K51TĐH.04	Điện
47	K165520201168	Đoàn Hải	Lương	CBB-13	K52KTĐ.01	Điện
48	K165520201002	Nguyễn Tiến	Anh	CLS-05	K52KTĐ.01	Điện
49	K165520201057	Hoàng Thị	Trang	CNGHEODT	K52KTĐ.01	Điện
50	K165520201146	Nguyễn Văn	Đoàn	CNGHEODT	K52KTĐ.01	Điện
51	K165520201154	Hoàng Trung	Hiếu	CNGHEODT	K52KTĐ.01	Điện
52	K165520201189	Sâm Văn	Trung	CNGHEODT	K52KTĐ.02	Điện
53	K165520201195	Bùi Công	Tùng	CNGHEODT	K52KTĐ.02	Điện
54	K165520201073	Trần Xuân	Cường	CNHH	K52KTĐ.02	Điện
55	K165520201076	Phạm Văn	Duy	HNGHEODT	K52KTĐ.02	Điện
56	K165520216267	Tống Văn	Lâm	CBB-13	K52TĐH.02	Điện
57	K165520216163	Nguyễn Văn	Tâm	CBB-13	K52TĐH.03	Điện
58	K165520216154	Lưu Quang	Minh	CNGHEODT	K52TĐH.03	Điện
59	K165520216160	Ngô Đức	Quảng	CNGHEODT	K52TĐH.03	Điện
60	K165520216133	Dương Thế	Đạt	CNHH	K52TĐH.03	Điện
61	K165520216182	Trần Xuân	Bảo	CNGHEODT	K52TĐH.04	Điện
62	K165520216212	Trần Công	Minh	CNGHEODT	K52TĐH.04	Điện
63	K165520216238	Vi Thị	Trang	CNGHEODT	K52TĐH.04	Điện
64	K165520216177	Lâm Bùi Minh	Anh	CNHH	K52TĐH.04	Điện
65	K165520216223	Trịnh Mạnh	Thắng	CTB-08	K52TĐH.04	Điện
66	K175520201224	Vàng Go	Po	HNGHEODT	K53ĐĐT.01	Điện
67	K175520201078	Nguyễn Văn	Chiến	CBB-13	K53ĐĐT.02	Điện
68	K175520201085	Nguyễn Thị	Đông	CBB-13	K53ĐĐT.02	Điện
69	K175520201075	Nguyễn Văn Tuấn	Anh	HNGHEODT	K53ĐĐT.02	Điện
70	K175520201228	Triệu Quang	Linh	HNGHEODT	K53ĐĐT.02	Điện
71	K175520201156	Lâm Vĩnh	Doanh	CNGHEODT	K53ĐĐT.03	Điện
72	K175520201163	Phan Thị Tiên	Hà	CNGHEODT	K53ĐĐT.03	Điện
73	K175520201203	Trịnh Văn	Tiến	CNGHEODT	K53ĐĐT.03	Điện
74	K175520201191	Trương Hoài	Nam	CTB-11	K53ĐĐT.03	Điện
75	K175520201197	Lò Văn	Sơn	DTI-DBKK	K53ĐĐT.03	Điện
76	K175520201194	Nông Long	Phúc	HNGHEODT	K53ĐĐT.03	Điện
77	K175520201208	Dương Thanh	Tú	HNGHEODT	K53ĐĐT.03	Điện
78	K175520216043	Lữ Văn	Sơn	HNGHEODT	K53ĐKT.01	Điện
79	K175520216024	Hoàng Văn	Khánh	HNGHEODT	K53ĐKT.01	Điện
80	K175520216064	Quách Công	Chí	HNGHEODT	K53ĐKT.02	Điện
81	K175520216173	Nguyễn Thị	Trang	CNGHEODT	K53ĐKT.03	Điện

82	K175520216133	Nguyễn Đức	Hậu	CTB-08	K53ĐKT.03	Điện
83	K175520216203	Hoàng Đức	Khải	CNGHEODT	K53ĐKT.04	Điện
84	K175520216213	Dương Đức	Minh	CNHH	K53ĐKT.04	Điện
85	K175520216226	Đặng Văn	Thắng	HNGHEODT	K53ĐKT.04	Điện
86	K135520207007	Nguyễn Đình	Đạm	CNGHEODT	K49ĐVT.01	Điện tử
87	K135520207009	Trần Văn	Giang	CNGHEODT	K49ĐVT.01	Điện tử
88	K135520207060	Hoàng Ngọc	Hà	HNGHEODT	K49ĐVT.01	Điện tử
89	K135520114009	Hoàng Văn	Chuyên	CNGHEODT	K49CĐT.01	Điện tử
90	K135520114098	Hà Mạnh	Quân	CNGHEODT	K49CĐT.01	Điện tử
91	K135520114031	Nguyễn Đình	Kiên	CNHH	K49CĐT.01	Điện tử
92	K135520114079	Lê Văn	Hiếu	CTB-09	K49CĐT.01	Điện tử
93	K135520114048	Nguyễn Thị	Thuyết	HNGHEODT	K49CĐT.01	Điện tử
94	K135520214031	Quách Công	Huy	CNGHEODT	K49KMT.01	Điện tử
95	K135520214007	Đinh Tiến	Mỹ	CNHH	K49KMT.01	Điện tử
96	K135520214013	Nguyễn Anh	Tuấn	CTB-08	K49KMT.01	Điện tử
97	K135520214055	Nguyễn Duy	Thắng	CTB-08	K49KMT.01	Điện tử
98	K135520214005	Nguyễn Văn	Hiếu	HNGHEODT	K49KMT.01	Điện tử
99	K145520207091	Vũ Xuân	Tuân	CBB-14	K50ĐVT.01	Điện tử
100	K145520207073	Quảng Văn	Kháng	CNGHEODT	K50ĐVT.01	Điện tử
101	K145520207151	Chu Thanh	Hiền	CNGHEODT	K50ĐVT.01	Điện tử
102	K145520207106	Lương Thị	Yến	HNGHEODT	K50ĐVT.01	Điện tử
103	K145520114026	Lê Hải	Lâm	CBB-13	K50CĐT.01	Điện tử
104	K145520114021	Hoàng Ngọc	Kiên	CNGHEODT	K50CĐT.01	Điện tử
105	K145520114045	Hoàng Minh	Tâm	CNGHEODT	K50CĐT.01	Điện tử
106	K145520114061	Lâm Hồng	Thuyền	CNGHEODT	K50CĐT.01	Điện tử
107	K145520114109	Hoàng Văn	Trường	CTB-08	K50CĐT.02	Điện tử
108	K145520207004	Nông Thị	Chang	CNGHEODT	K50KĐT.01	Điện tử
109	K145520207016	Lăng Thị	Hiền	CNGHEODT	K50KĐT.01	Điện tử
110	K145520207121	Đặng Thị ánh	Hồng	CNGHEODT	K50KĐT.01	Điện tử
111	K145520207033	Dương Thị Minh	Tâm	CTB-08	K50KĐT.01	Điện tử
112	K145520207048	Lý Thị	Thùy	CTB-08	K50KĐT.01	Điện tử
113	K145520207078	Trần Văn	Lý	HNGHEODT	K50KĐT.01	Điện tử
114	K145520214023	Dương Doãn	Trường	CNGHEODT	K50KMT.01	Điện tử
115	K145520214011	Hoàng Mạnh	Trường	HNGHEODT	K50KMT.01	Điện tử
116	K155520216037	Hoàng Văn	Nam	CNGHEODT	K51ĐĐK.01	Điện tử
117	K155520103318	Phạm Văn	Tú	CNGHEODT	K51CĐT.01	Điện tử
118	K155520114041	Mông Văn	Quang	HNGHEODT	K51CĐT.01	Điện tử
119	K155520114100	Lăng Văn	Lộc	CNGHEODT	K51CĐT.02	Điện tử
120	K155520114085	Nguyễn Minh	Hiếu	CTB-08	K51CĐT.02	Điện tử
121	K155520114123	Hứa Tiên	Tiến	HNGHEODT	K51CĐT.02	Điện tử
122	K155520207003	Hồ Thị Ngọc	ánh	CNGHEODT	K51KĐT.01	Điện tử
123	K155520207119	Hoàng Thị	Huyền	CNGHEODT	K51KĐT.01	Điện tử
124	K155520207038	Nguyễn Thị	Nhã	CNHH	K51KĐT.01	Điện tử
125	K155520214002	Đinh Văn	Dũng	HNGHEODT	K51KMT.01	Điện tử

126	K165520216202	Tạ Thu	Hương	CNGHEODT	K52ĐĐK.01	Điện tử
127	K165520216156	Lý Thị Bích	Ngọc	HNGHEODT	K52ĐĐK.01	Điện tử
128	K165520207030	Lâm Văn	Thế	CNGHEODT	K52ĐTT.01	Điện tử
129	K165520207032	Lục Văn	Toản	CNGHEODT	K52ĐTT.01	Điện tử
130	K165520207018	Phạm Tiến Bá	Ngọc	CTB-08	K52ĐTT.01	Điện tử
131	K165520114003	Hoàng Tuấn	Anh	CNGHEODT	K52CĐT.01	Điện tử
132	K165520114058	Đặng Văn	Thành	CNGHEODT	K52CĐT.01	Điện tử
133	K165520114012	Trần Văn	Dương	MOCOI	K52CĐT.01	Điện tử
134	K165520114140	Nguyễn Văn	Trường	CBB-13	K52CĐT.02	Điện tử
135	K165520114084	Lý Văn	Dũng	CNGHEODT	K52CĐT.02	Điện tử
136	K165520114113	Mông Chí	Lương	CNGHEODT	K52CĐT.02	Điện tử
137	K165520114139	Lý Văn	Trọng	CNGHEODT	K52CĐT.02	Điện tử
138	K165520114143	Lương Văn	Tuấn	CNHH	K52CĐT.02	Điện tử
139	K165520114200	Phùng Viết	Tài	CTB-09	K52CĐT.03	Điện tử
140	K165520214015	Trần Anh	Tuấn	CTB-08	K52KMT.01	Điện tử
141	K175520207016	Bế Viết	Mạnh	CNGHEODT	K53ĐTT.01	Điện tử
142	K175520207026	Hoàng Thị	Thùy	CNGHEODT	K53ĐTT.01	Điện tử
143	K175520207048	Quan Văn	Khang	CNGHEODT	K53ĐTT.01	Điện tử
144	K175520114058	Trần Đức	Trà	CBB-13	K53CĐT.01	Điện tử
145	K175520114105	Bằng Văn	Phong	CNGHEODT	K53CĐT.02	Điện tử
146	K175520114109	Triệu Văn	Quang	CNGHEODT	K53CĐT.02	Điện tử
147	K175520114141	Sùng A	Chư	HNGHEODT	K53CĐT.03	Điện tử
148	K175520114188	Đặng Hữu	Thuận	HNGHEODT	K53CĐT.03	Điện tử
149	K155520214005	Bằng Việt	Hào	CNGHEODT	K53KMT.01	Điện tử
150	K175520214006	Lang Duy	Kha	HNGHEODT	K53KMT.01	Điện tử
151	K135520103040	Hoàng Văn	Nam	CNGHEODT	K49CCM.01	Cơ khí
152	K135520103112	Đỗ Tiến	Mạnh	CTB-08	K49CCM.02	Cơ khí
153	K135520103217	Hoàng Anh	Tuấn	CNGHEODT	K49CCM.03	Cơ khí
154	K135520103224	Linh Văn	Công	CNGHEODT	K49CCM.03	Cơ khí
155	K135520103436	Hoàng Ngọc	Tiến	CBB-12	K49CCM.04	Cơ khí
156	K135520103510	Bùi Văn	Thanh	CBB-13	K49CCM.04	Cơ khí
157	K135520103420	Hoàng Thái	Sơn	CTB-09	K49CCM.04	Cơ khí
158	K135520103003	Lại Văn	Bảo	CNGHEODT	K49KTK.01	Cơ khí
159	K135520103005	Lê Văn Lương	Chí	CNGHEODT	K49KTK.01	Cơ khí
160	K135520103046	Hoàng Liên	Sơn	CNGHEODT	K49KTK.01	Cơ khí
161	K135520103060	Lý Ngọc	Tú	CNGHEODT	K49KTK.01	Cơ khí
162	K135520103251	Hoàng Bảo	Khanh	CNGHEODT	K49KTK.01	Cơ khí
163	K135520103445	Triệu Tuấn	Vũ	CNGHEODT	K49KTK.01	Cơ khí
164	K135520103229	Nguyễn Thanh	Duy	CTB-08	K49KTK.01	Cơ khí
165	K145520103077	Nguyễn Văn	Vĩnh	CBB-13	K50CCM.01	Cơ khí
166	K145520103006	Lục Sỹ	Bảo	CNGHEODT	K50CCM.01	Cơ khí
167	K145520103037	Lâm Văn	Mai	CNGHEODT	K50CCM.01	Cơ khí
168	K145520103061	Lục Văn	Tuấn	CNGHEODT	K50CCM.01	Cơ khí
169	K145520103101	Hoàng Văn	Hòa	CNGHEODT	K50CCM.02	Cơ khí

170	K145520103151	Vũ Đình	Việt	CTB-08	K50CCM.02	Cơ khí
171	K145520103309	Đàm Văn	Hưng	CNGHEODT	K50CCM.03	Cơ khí
172	K145520103240	Hoàng Văn	Dương	CNGHEODT	K50CCM.04	Cơ khí
173	K145520103282	Chu Thanh	Tùng	CNGHEODT	K50CCM.04	Cơ khí
174	K145520103285	Nguyễn Anh	Tú	CNGHEODT	K50CCM.04	Cơ khí
175	K145520103371	Nguyễn Văn	Phán	CNHH	K50CCM.05	Cơ khí
176	K145520309007	Lộc Văn	Quỳnh	CNGHEODT	K50CVL.01	Cơ khí
177	K145520309017	Nguyễn Thành	Đăng	CNGHEODT	K50CVL.01	Cơ khí
178	K145520309032	Hoàng Văn	Ly	CNGHEODT	K50CVL.01	Cơ khí
179	K145520309040	Triệu Văn	Bính	CNGHEODT	K50CVL.01	Cơ khí
180	K145520309022	Lâm Văn	Duy	HNGHEODT	K50CVL.01	Cơ khí
181	K145520103024	Lê Đình	Hoàng	CBB-12	K50KC.01	Cơ khí
182	K155520103017	Nguyễn Văn	Dũng	CNGHEODT	K51CCM.01	Cơ khí
183	K155520103058	Hoàng Thanh	Thượng	CNGHEODT	K51CCM.01	Cơ khí
184	K155520103108	Phó Đình	Long	CNGHEODT	K51CCM.02	Cơ khí
185	K155520103130	Hoàng Văn	Toàn	HNGHEODT	K51CCM.02	Cơ khí
186	K155520103185	Hoàng Văn	Pao	CNGHEODT	K51CCM.03	Cơ khí
187	K155520103199	Triệu Văn	Thực	CNGHEODT	K51CCM.03	Cơ khí
188	K155520103210	Nguyễn Đức	Tuyên	CTB-08	K51CCM.03	Cơ khí
189	K155520103321	Lê Thanh	Tùng	CNGHEODT	K51CCM.04	Cơ khí
190	K155520103310	Nông Thị	Tâm	HNGHEODT	K51CCM.04	Cơ khí
191	K165520103068	Bùi Duy	Bình	CNGHEODT	K52CCM.02	Cơ khí
192	K165520103101	Ma Viết	Ngọc	HNGHEODT	K52CCM.02	Cơ khí
193	K165520103249	Nguyễn Văn	Tuân	CNGHEODT	K52CCM.03	Cơ khí
194	K165520103250	Hoàng Anh	Tuấn	CNGHEODT	K52CCM.03	Cơ khí
195	K165520103159	Hoàng Thị	Linh	CTB-08	K52CCM.03	Cơ khí
196	K165520103203	Nguyễn Văn	Dương	CNGHEODT	K52CCM.04	Cơ khí
197	K165520103263	Lục Văn	Dần	CNGHEODT	K52CCM.04	Cơ khí
198	K165520103274	Nguyễn Khắc	Phước	CTB-08	K52CCM.04	Cơ khí
199	K175520103008	Nông Văn	Dự	CNGHEODT	K53KC.01	Cơ khí
200	K175520103016	Sầm Văn	Hoan	CNGHEODT	K53KC.01	Cơ khí
201	K175520103004	Triệu Mạnh	Công	HNGHEODT	K53KC.01	Cơ khí
202	K175520103029	Trần Giang	Nam	CNGHEODT	K53KC.01	Cơ khí
203	K175520103037	Phạm Hồng	Thái	HNGHEODT	K53KC.01	Cơ khí
204	K175520103161	Hà Hoài	Lâm	HNGHEODT	K53KC.02	Cơ khí
205	K175520103112	Hà Công	Hoàng	CNGHEODT	K53KC.03	Cơ khí
206	K175520103113	Phùng Xuân	Hồng	CNGHEODT	K53KC.03	Cơ khí
207	K175520103126	Phùng Tiến	Ngọc	CNGHEODT	K53KC.03	Cơ khí
208	K175520103136	Hà Ngọc	Thịnh	CNGHEODT	K53KC.03	Cơ khí
209	K175520103145	Phương Văn	Vũ	CNGHEODT	K53KC.03	Cơ khí
210	K175520103141	Hà Minh	Tuấn	MOCOI	K53KC.03	Cơ khí
211	K145510205031	Sầm Văn	Lương	CNGHEODT	K2 CN-KTO.01	Kỹ thuật Ôtô & MĐL
212	K145510205055	Nông Minh	Thượng	CNGHEODT	K2 CN-KTO.01	Kỹ thuật Ôtô & MĐL
213	K145510205003	Lê Khắc	Đại	CTB-08	K2 CN-KTO.01	Kỹ thuật Ôtô & MĐL

214	K145510205052	Lò Văn	Tính	HNGHEODT	K2 CN-KTO.01	Kỹ thuật Ôtô & MĐL
215	K135520103267	Hoàng Ngọc	Son	CNGHEODT	K49CĐL.01	Kỹ thuật Ôtô & MĐL
216	K135520103188	Nguyễn Văn	Lực	CTB-08	K49CĐL.01	Kỹ thuật Ôtô & MĐL
217	K145520103209	Lý Văn	Tú	CNGHEODT	K50CĐL.01	Kỹ thuật Ôtô & MĐL
218	K145905228012	Hoàng Minh	Thắng	CNGHEODT	K50CĐL.01	Kỹ thuật Ôtô & MĐL
219	K145520103307	Đỗ Xuân	Trưởng	CTB-08	K50CĐL.01	Kỹ thuật Ôtô & MĐL
220	K145520103272	Viên Văn	Nhuộm	HNGHEODT	K50CĐL.01	Kỹ thuật Ôtô & MĐL
221	K155520103294	Nguyễn Thành	Đạt	CTB-08	K51CĐL.01	Kỹ thuật Ôtô & MĐL
222	K155510205007	Nông Mạnh	Cường	CNGHEODT	K51CN- KTO.01	Kỹ thuật Ôtô & MĐL
223	K155510205034	Phùng Đức	Mạnh	CNGHEODT	K51CN- KTO.01	Kỹ thuật Ôtô & MĐL
224	K155510205048	Mông Chí	Thi	CNGHEODT	K51CN- KTO.01	Kỹ thuật Ôtô & MĐL
225	K155510205061	Lường Thanh	Tuyên	CNGHEODT	K51CN- KTO.01	Kỹ thuật Ôtô & MĐL
226	K155510205068	Lăng Văn	Thận	CNGHEODT	K51CN- KTO.01	Kỹ thuật Ôtô & MĐL
227	K155510205040	Dương Ngọc	Nguyên	CTB-10	K51CN- KTO.01	Kỹ thuật Ôtô & MĐL
228	K165520103096	Lương Văn	Luân	CNGHEODT	K52CĐL.01	Kỹ thuật Ôtô & MĐL
229	K165510205002	Nguyễn Quang	Anh	CNGHEODT	K52CN-KTO.01	Kỹ thuật Ôtô & MĐL
230	K165510205014	Dương Quang	Đạt	CNGHEODT	K52CN-KTO.01	Kỹ thuật Ôtô & MĐL
231	K165510205057	Lương Xuân	Thượng	CNGHEODT	K52CN-KTO.01	Kỹ thuật Ôtô & MĐL
232	K175510205009	Đặng Văn	Đức	CNGHEODT	K53CN-KTO.01	Kỹ thuật Ôtô & MĐL
233	K175510205026	Ma Khắc	Linh	CNGHEODT	K53CN-KTO.01	Kỹ thuật Ôtô & MĐL
234	K175510205035	Bùi Minh	Quang	CNGHEODT	K53CN-KTO.01	Kỹ thuật Ôtô & MĐL
235	K175510205052	Ma Quốc	Việt	CNGHEODT	K53CN-KTO.01	Kỹ thuật Ôtô & MĐL
236	K175510205003	Lê Thông	Cẩn	HNGHEODT	K53CN-KTO.01	Kỹ thuật Ôtô & MĐL
237	K175510205033	Lý Trung	Nhật	HNGHEODT	K53CN-KTO.01	Kỹ thuật Ôtô & MĐL
238	K175510205065	Nguyễn Đại	Dương	CNHH	K53CN-KTO.02	Kỹ thuật Ôtô & MĐL
239	K175510205076	Lê Văn	Huy	HNGHEODT	K53CN-KTO.02	Kỹ thuật Ôtô & MĐL
240	K175510205081	Cử Mí	Lùng	HNGHEODT	K53CN-KTO.02	Kỹ thuật Ôtô & MĐL
241	K175510205090	Bùi Văn	Quyết	HNGHEODT	K53CN-KTO.02	Kỹ thuật Ôtô & MĐL
242	K145520320005	Lê Mỹ	Anh	CTB-08	K50AP.I	Quốc tế
243	K145905228026	Nông Duy	Mạnh	HNGHEODT	K50AP.I	Quốc tế
244	K145905218006	Đàm Xuân	Duy	CNGHEODT	K50AP.M	Quốc tế
245	K175905228019	La Thanh	Kiên	CBB-13	K53AP.I	Quốc tế
246	K175220201005	Ma Thị	Phương	HNGHEODT	K53NNA.01	Quốc tế
247	K145510301012	Bùi Duy	Nghĩa	CNGHEODT	K2 CN-ĐĐT.01	Sư phạm KT
248	K145510301077	Nguyễn Văn	Duệ	CNGHEODT	K2 CN-ĐĐT.02	Sư phạm KT
249	K145510301095	Trần Văn	Huỳnh	CNGHEODT	K2 CN-ĐĐT.02	Sư phạm KT
250	K145510301110	Lục Văn	Thao	HNGHEODT	K2 CN-ĐĐT.02	Sư phạm KT
251	K145510301091	Nông Thị	Hoa	HNGHEODT	K2 CN-ĐĐT.02	Sư phạm KT
252	K145510301102	Nông Ngọc	Quyển	HNGHEODT	K2 CN-ĐĐT.02	Sư phạm KT
253	K145510202003	Nông Văn	Hà	CNGHEODT	K2 CN-CTM.01	Sư phạm KT
254	K155510202010	Giàng A	Phương	CNGHEODT	K51CN-CTM.01	Sư phạm KT
255	K155510202009	Hoàng Hải	Phong	MOCOI	K51CN-CTM.01	Sư phạm KT
256	K165510301022	Hoàng Duy	Khiêm	HNGHEODT	K52CN-ĐĐT.01	Sư phạm KT
257	K175510301004	Bàn Văn	Chung	HNGHEODT	K53CN-ĐĐT.01	Sư phạm KT

258	K175510202007	Phạm Phúc	Phong	CNGHEODT	K53CN-CTM.01	Sư phạm KT
259	K135520320024	Ma Văn	Hội	CNGHEODT	K49KTM.01	Xây dựng và MT
260	K135520320035	Nguyễn Thị	Huyền	CNGHEODT	K49KTM.01	Xây dựng và MT
261	K135520320014	Nguyễn Thị	Giang	CTB-09	K49KTM.01	Xây dựng và MT
262	K135520320037	Giàng Seo	Lâu	HNGHEODT	K49KTM.01	Xây dựng và MT
263	K135520103082	Lê Văn	Duy	CNGHEODT	K49KXC.01	Xây dựng và MT
264	K135580201011	Nguyễn Đình	Đắc	CNGHEODT	K49KXC.01	Xây dựng và MT
265	K135580201043	Sinh A	Trống	HNGHEODT	K49KXC.01	Xây dựng và MT
266	K135580201056	Trần Văn	Bảo	CNGHEODT	K49KXC.02	Xây dựng và MT
267	K135580201065	Triệu Đình	Đề	CNGHEODT	K49KXC.02	Xây dựng và MT
268	K135580201074	Bàn Văn	Hiển	CNGHEODT	K49KXC.02	Xây dựng và MT
269	K135580201078	Nguyễn Văn	Khánh	CTB-08	K49KXC.02	Xây dựng và MT
270	K135580201081	Phạm Đức	Luận	HNGHEODT	K49KXC.02	Xây dựng và MT
271	K145520320004	Hoàng Cao	An	CTB-08	K50KTM.01	Xây dựng và MT
272	K145905218001	Ma Công	An	CNGHEODT	K50KXC.01	Xây dựng và MT
273	K145580201018	Lê Duy	Hoài	CTB-08	K50KXC.01	Xây dựng và MT

II. Khối ngành kinh tế

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Đối tượng	Lớp	Khoa
1	K135510604140	Hà Thị Nở	HNGHEODT	K50KTN.01	Kinh tế CN
2	K145510601013	Dương Đức Mạnh	CNGHEODT	K50QLC.01	Kinh tế CN
3	K145510601015	Hoàng Thị Ngọc	CNGHEODT	K50QLC.01	Kinh tế CN
4	K145510601037	Nông Thị Hường	CNGHEODT	K50QLC.01	Kinh tế CN
5	K155510601004	Triệu Thị Quyến	CNGHEODT	K51KTN.01	Kinh tế CN
6	K155510604007	Lê Thành Giang	CNGHEODT	K51KTN.01	Kinh tế CN
7	K155510604028	Hà Quyết Thức	CTB-08	K51KTN.01	Kinh tế CN
8	K155510604011	Phùng Văn Hoàng	HNGHEODT	K51KTN.01	Kinh tế CN
9	K165510604003	Lương Thị Huế	CNGHEODT	K52KTN.01	Kinh tế CN
10	K175510604013	Ma Thị Hạ Mai	CNGHEODT	K53KTN.01	Kinh tế CN
11	K175510604001	Hoàng Mỹ Hảo	HNGHEODT	K53KTN.01	Kinh tế CN

Ấn định danh sách : 273 sinh viên khối ngành kỹ thuật và 11 sinh viên khối ngành kinh tế. 

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC GIẢM 50% HỌC PHÍ**HỌC KỲ II NĂM HỌC 2017 - 2018**

(Kèm theo QĐ số: 47/QĐ -ĐHKTCN ngày 19 tháng 4 năm 2018)

I. Khối ngành kỹ thuật

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Đối tượng	Lớp	Khoa
1	K135520216025	Nguyễn Việt	Hoàng	BNN	K49TĐH.01	Điện
2	K135520216130	Nguyễn Tùng	Dương	BNN	K49TĐH.03	Điện
3	K145520201027	Nguyễn Trung	Hiếu	BNN	K50HTĐ.01	Điện
4	K145520216122	Mạc Anh	Tuấn	BNN	K50TĐH.02	Điện
5	K165520201016	Nông Mạnh	Đức	BNN	K52HTĐ.01	Điện
6	K175520216190	Nguyễn Trung	Dũng	BNN	K53ĐKT.04	Điện
7	K135520216122	Đỗ Việt	Anh	TNLD	K49TĐH.03	Điện
8	K155520201071	Hoàng Minh	Đức	TNLD	K51HTĐ.01	Điện
9	K165520201043	Lưu Văn	Phương	TNLD	K52KTĐ.01	Điện
10	K175520201117	Lê Công	Minh	TNLD	K53ĐĐT.02	Điện
11	K175520216248	Nguyễn Minh	Thương	TNLD	K53ĐKT.01	Điện
12	K145520114100	Lê Thanh	Tùng	BNN	K50CĐT.02	Điện tử
13	K145520207014	Dương Hồng	Hạnh	BNN	K50ĐVT.01	Điện tử
14	K155520207103	Trần Ngọc	Son	BNN	K51KĐT.01	Điện tử
15	K175520114205	Nguyễn Trung	Kiên	BNN	K53CĐT.01	Điện tử
16	K145520207107	Trịnh Đức	Anh	TNLD	K50KĐT.01	Điện tử
17	K145520216036	Phạm Quang	Mạnh	TNLD	K50ĐĐK.01	Điện tử
18	K165520114177	Trần Đức	Huy	TNLD	K52CĐT.03	Điện tử
19	K165520214019	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	TNLD	K52KMT.01	Điện tử
20	K165520216029	Ngô Quang	Huy	TNLD	K52ĐĐK.01	Điện tử
21	K135520103234	Bùi Minh	Đức	BNN	K49CCM.03	Cơ khí
22	K135520103480	Nguyễn	Khánh	BNN	K49CCM.04	Cơ khí
23	K155520103219	Vũ Mạnh	Cường	BNN	K51CCM.04	Cơ khí
24	K155520216221	Phạm Minh	Hiếu	BNN	K51CCM.01	Cơ khí
25	K155520103042	Thái Phương	Nam	TNLD	K51CCM.01	Cơ khí
26	K155520103333	Vũ ánh	Dương	TNLD	K51CCM.04	Cơ khí
27	K175510205014	Hạng Hoàng	Hải	BNN	K53CN-KTO.01	Kỹ thuật Ô tô & MĐL
28	K175510205099	Nguyễn Mạnh	Tiến	TNLD	K53CN-KTO.02	Kỹ thuật Ô tô & MĐL
29	K145520103157	Ngô Việt	Anh	TNLD	K50CĐL.01	Kỹ thuật Ô tô & MĐL
30	K165905218021	Hoàng Thanh	Tùng	BNN	K52AP.M	Quốc tế
31	K155905218007	Lê Thị Thu	Hiền	TNLD	K51AP.M	Quốc tế
32	K145510202027	Nguyễn Thế	Anh	TNLD	K2 CN-CTM.01	Sư phạm KT
33	K135520320016	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	BNN	K49KTM.01	Xây dựng và MT
34	K145520320024	Hà Thị Thu	Hường	TNLD	K50KTM.01	Xây dựng và MT
35	K145520320104	Nguyễn Tiến	Thuận	TNLD	K50KTM.01	Xây dựng và MT

Ấn định danh sách : 35 sinh viên khối ngành kỹ thuật

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC GIẢM 70% HỌC PHÍ
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2017 - 2018

(Kèm theo QĐ số: 47/QĐ -ĐHKTCN ngày 19 tháng 4 năm 2018)

I. Khối ngành kỹ thuật

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Đối tượng	Lớp	Khoa
1	K135520201004	Hoàng Văn Cương	DT-ĐBKK	K49KTĐ.01	Điện
2	K135520201207	Ngô Văn Đức	DT-ĐBKK	K49KTĐ.02	Điện
3	K135520201263	Trương Văn Chính	DT-ĐBKK	K49HTĐ.01	Điện
4	K145520201032	Dương Văn Huy	DT-ĐBKK	K50KTĐ.01	Điện
5	K145520201079	Lăng Văn Văn	DT-ĐBKK	K50KTĐ.01	Điện
6	K155520201140	Đinh Văn Hòa	DT-ĐBKK	K51KTĐ.01	Điện
7	K155520201166	Ma Xuân Thành	DT-ĐBKK	K51HTĐ.01	Điện
8	K155520201225	Đào Duy Thanh	DT-ĐBKK	K51KTĐ.02	Điện
9	K155520216241	Đỗ Hữu Quang	DT-ĐBKK	K51TĐH.04	Điện
10	K155520216298	Lường Văn Thùy	DT-ĐBKK	K51TĐH.04	Điện
11	K165520201081	Hoàng Văn Đông	DT-ĐBKK	K52KTĐ.02	Điện
12	K165520216077	Trần Thị Thu Hà	DT-ĐBKK	K52TĐH.02	Điện
13	K165520216214	Nguyễn Đức Nhân	DT-ĐBKK	K52TĐH.04	Điện
14	K175520201007	Hoàng Doãn Chung	DT-ĐBKK	K53ĐĐT.01	Điện
15	K175520201057	Chu Tuấn Thiên	DT-ĐBKK	K53ĐĐT.01	Điện
16	K175520201127	Ôn Văn Sơn	DT-ĐBKK	K53ĐĐT.02	Điện
17	K175520201196	Nguyễn Đức Quỳnh	DT-ĐBKK	K53ĐĐT.03	Điện
18	K175520201206	Hoàng Văn Trung	DT-ĐBKK	K53ĐĐT.03	Điện
19	K145520207022	Hoàng Văn Lộc	DT-ĐBKK	K50ĐVT.01	Điện tử
20	K155520114052	Lý A	DT-ĐBKK	K51CĐT.01	Điện tử
21	K165520114135	Lê Xuân Thiều	DT-ĐBKK	K52KMT.01	Điện tử
22	K175520114017	Phan Trung Hiếu	DT-ĐBKK	K53CĐT.01	Điện tử
23	K175520114062	Đào Duy Từ	DT-ĐBKK	K53CĐT.01	Điện tử
24	K175520114203	Nguyễn Phương Vũ	DT-ĐBKK	K53CĐT.01	Điện tử
25	K175520114204	Hoàng Ngọc Lương	DT-ĐBKK	K53CĐT.01	Điện tử
26	K175520114217	Long Thị Nghĩa	DT-ĐBKK	K53CĐT.01	Điện tử
27	K175520114219	Hứa Xuân Bằng	DT-ĐBKK	K53CĐT.03	Điện tử
28	K175520207023	Đoàn Trọng Thắng	DT-ĐBKK	K53ĐTT.01	Điện tử
29	K135520103209	Lý Thanh Tùng	DT-ĐBKK	K49CCM.03	Cơ khí
30	K135520103264	Nông Văn Phương	DT-ĐBKK	K49CCM.03	Cơ khí
31	K145520103045	Lương Văn Phúc	DT-ĐBKK	K50CCM.01	Cơ khí
32	K145520103129	Vàng Láo Tả	DT-ĐBKK	K50CCM.02	Cơ khí
33	K155520103019	Hà Nguyên Giáp	DT-ĐBKK	K51CCM.01	Cơ khí
34	K155520103141	Nguyễn Quang Vũ	DT-ĐBKK	K51CCM.02	Cơ khí
35	K155520103255	Lý A	DT-ĐBKK	K51CCM.04	Cơ khí
36	K155520103275	Nguyễn Anh Tuấn	DT-ĐBKK	K51CCM.03	Cơ khí
37	K165520103063	Nguyễn Văn Vũ	DT-ĐBKK	K52CCM.01	Cơ khí

38	K175520103039	Lý Văn	Thành	DT-ĐBKK	K53KC.01	Cơ khí
39	K175520103090	Nguyễn Sỹ	Thủy	DT-ĐBKK	K53KC.02	Cơ khí
40	K175520103099	Giàng A	Chông	DT-ĐBKK	K53KC.03	Cơ khí
41	K175520103138	Châu Văn	Thụy	DT-ĐBKK	K53KC.03	Cơ khí
42	K175520103140	Vi Xuân	Trường	DT-ĐBKK	K53KC.03	Cơ khí
43	K145510205026	Sùng A	Hử	DT-ĐBKK	K2 CN-KTO.01	Kỹ thuật Ôtô & MĐL
44	K145520103032	Dương Văn	Lăm	DT-ĐBKK	K2 CN-KTO.01	Kỹ thuật Ôtô & MĐL
45	K165510205006	Vàng Văn	Chìn	DT-ĐBKK	K52CN-KTO.01	Kỹ thuật Ôtô & MĐL
46	K175510205082	Hà Văn	Lưu	DT-ĐBKK	K53CN-KTO.02	Kỹ thuật Ôtô & MĐL
47	K145510301017	Lương Văn	Tuấn	DT-ĐBKK	K2 CN-ĐĐT.01	Sư phạm KT
48	K145510301094	Nông Ngọc	Huy	DT-ĐBKK	K2 CN-ĐĐT.02	Sư phạm KT
49	K155510301024	Lăng Trung	Kiên	DT-ĐBKK	K51CN-ĐĐT.01	Sư phạm KT
50	K165510301010	Nguyễn Văn	Gia	DT-ĐBKK	K52CN-ĐĐT.01	Sư phạm KT

II. Khối ngành kinh tế

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Đối tượng	Lớp	Khoa
1	K145510604038	Triệu Văn Tuấn	DT-ĐBKK	K50KTN.01	Kinh tế CN

Ấn định danh sách : 50 sinh viên khối ngành kỹ thuật và 01 sinh viên khối ngành kinh tế. 

HIỆU TRƯỞNG


PGS.TS. Nguyễn Duy Cường